TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Phúc và bà Lê Thị Huyền;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2024/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Th, sinh năm 1981; (có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

* *Bị đơn*: Anh Doãn Đình H, sinh năm 1980; (có mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Cháu Doãn Đình H1, sinh ngày 31/7/2007; (có mặt)

+ Cháu Doãn Hoàng Khánh L, sinh ngày 30/3/2017; (có mặt)

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu H1 và cháu L: Anh Doãn Đình H và chị Phan Thị Th là bố mẹ đẻ của các cháu.

3. *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1953; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Phan Thị Th; biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Doãn Đình H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh H trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P ngày 19/11/2002 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, theo như chị Th trình bày: tình cảm vợ chồng chị bình thường, đến khoảng năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên

nhân do anh H đi làm về hàng tháng không đưa tiền cho chị chi tiêu cho cuộc sống gia đình, chăm sóc con cái. Ngoài ra, anh H còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài về nhà bực tức, chửi bới, đánh đập chị, khiến chị mệt mỏi, áp lực khi chung sống cùng anh H. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị nên đến tháng 06/2024 chị đã phải đi thuê nhà trọ tại thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, dù chị có cố gắng cũng không mang lại hạnh phúc, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Doãn Đình H. Còn theo như anh H trình bày: Khoảng năm 2014 vợ chồng anh nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Th làm công việc bán bảo hiểm, tính cách thay đổi, đi làm về cũng không quan tâm đến chồng con, anh cũng có khuyên bảo chị Th nhưng chị không nghe khiến vợ chồng xảy ra cãi vã. Việc chị Th trình bày anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở ngoài về nhà bực tức, chửi bởi và đánh đập chị Th chỉ là hiểu lầm, vì do công việc anh thường xuyên đi làm ăn xa, tập trung kiếm tiền nuôi gia đình nên nhiều khi không quan tâm khiến chị Th ghen tuông, mù quáng dẫn đến sinh nghi. Ngoài ra, như chị Th trình bày, hàng tháng anh không đưa tiền cho chị Th chi tiêu là không đúng, hàng tháng anh vẫn đều đặn gửi tiền về cho chị Th chi tiêu và nuôi các con ăn học. Khoảng tháng 6/2024, chị Th tự ý bỏ đi ra ngoài ở riêng, anh cũng không rõ chị Th đi đâu trong khi hai vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì. Anh và chị Th sống ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay, không ai còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, anh xác định giữa anh và chị Th không có mâu thuẫn gì lớn, anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Th nên anh không nhất trí ly hôn. Trường hợp, chị Th cương quyết xin ly hôn anh, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết.

- Về con chung: Chị Th và anh H có chung quan điểm xác nhận, vợ chồng anh chị có 04 con chung là các cháu Doãn Đình H2, sinh năm 2000, cháu Doãn Đình Kh, sinh năm 2001, cháu Doãn Đình H1, sinh ngày 31/7/2007 và cháu Doãn Hoàng Khánh L, sinh ngày 30/3/2017. Ly hôn, cháu H2 và cháu Kh đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi cháu H2 và cháu Kh. Đối với cháu H1 và cháu L, chị Th có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu, tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Còn anh H có quan điểm, nếu ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu H1 và cháu L, trường hợp anh chỉ được nuôi một cháu thì anh có nguyện vọng xin được nuôi cháu L, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Th và anh H có chung quan điểm xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Doãn Đình H1 và cháu Doãn Hoàng Khánh L trình bày:

Nguyên nhân bố mẹ cháu mâu thuẫn là do bố cháu có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài và đi làm về không đưa tiền lương hàng tháng cho mẹ cháu

chi tiêu chăm sóc gia đình. Bố mẹ cháu sống ly thân nhau từ tháng 06/2024 cho đến nay, mỗi người ở một nơi. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn nhau, cháu H1 có nguyện vọng xin được ở với anh H, cháu L có nguyện vọng xin được ở với chị Th. Cháu H1, cháu L có quan điểm, việc cấp dưỡng nuôi các cháu do bố mẹ các cháu quyết định, cháu H1, cháu L không có yêu cầu, đề nghị gì về việc cấp dưỡng nuôi các cháu.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Ng (là mẹ đẻ của anh H) trình bày:

Quá trình anh H và chị Th chung sống, bà thấy tình cảm vợ chồng giữa hai anh chị bình thường, không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng tháng 6/2024, có lần bà nghe chị Th nói bị anh H đánh, còn nguyên nhân chị Th không nói nên bà cũng không rõ. Sau đó, chị Th tự ý bỏ đi từ tháng 6/2024 cho đến nay, hai anh chị sống ly thân nhau. Chị Th và anh H có 04 con chung là các cháu Doãn Đình H2, sinh năm 2000, cháu Doãn Đình Kh, sinh năm 2001, cháu Doãn Đình H1, sinh ngày 31/7/2007 và cháu Doãn Hoàng Khánh L, sinh ngày 30/3/2017. Trường hợp chị Th xin ly hôn anh H, nếu cháu H1 và cháu L có nguyện vọng ở với anh H thì gia đình bà tạo điều kiện về chỗ ăn, chỗ ở cho các cháu đến khi các cháu trưởng thành. Gia đình bà không liên quan gì đến vấn đề tài sản với vợ chồng anh H, chị Th nên bà không có yêu cầu, đề nghị gì. Anh H thường xuyên đi làm công trình, nếu Tòa án cần giao văn bản tố tụng cho anh H thì bà sẽ nhận thay, cam kết giao tận tay cho anh H hoặc thông báo cho anh H biết. Bà Ng đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà theo quy định pháp luật.

UBND xã Đ cung cấp thông tin: Chị Th và anh H đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 19/11/2002 theo đúng quy định pháp luật. Chị Th và anh H có 04 con chung là các cháu Doãn Đình H2, sinh năm 2000, cháu Doãn Đình Kh, sinh năm 2001, cháu Doãn Đình H1, sinh ngày 31/7/2007 và cháu Doãn Hoàng Khánh L, sinh ngày 30/3/2017. Địa phương không nắm được vợ chồng chị Th và anh H mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn chị Th trình bày quan điểm: Đến nay chị xác nhận không còn tình cảm với anh H nên chị vẫn giữ quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H; về con chung, chị và anh H có 04 con chung là các cháu là các cháu Doãn Đình H2, sinh năm 2000, cháu Doãn Đình Kh, sinh năm 2001, cháu Doãn Đình H1, sinh ngày 31/7/2007 và cháu Doãn Hoàng Khánh L, sinh ngày 30/3/2017. Hiện nay, đối với cháu H2 và cháu Kh đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi cháu H2, cháu Kh. Đối với cháu H1 và cháu Khánh L, ly hôn chị Th có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H1 và cháu L, tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị có tài sản chung, có nợ chung, chị và anh H tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết; về công sức, ruộng canh tác chung: chị và anh H không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bị đơn anh H trình bày quan điểm: Về quan hệ hôn nhân, anh xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh và chị Th nghi ngờ lẫn nhau về việc vợ

chồng sống không chung Th. Ngoài ra, còn do nguyên nhân về vấn đề quản lý kinh tế gia đình, chị Th tham gia chơi bảo hiểm Prudential quá nhiều, anh can ngăn không được; chị Th còn cho rằng nhà và đất hiện nay vợ chồng anh đang ở đứng tên một mình chị Th là của chị Th, chị Th tỏ ra coi thường anh. Đến nay, mặc dù vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị Th, anh xác định không bỏ vợ, bỏ con nên anh không nhất trí ly hôn. Trường hợp chị Th cương quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật xem xét, giải quyết. Về con chung: Vợ chồng anh có 04 con chung như chị Th trình bày là đúng, trường hợp anh và chị Th phải ly hôn, cháu H2 và cháu Kh đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi cháu H2 và cháu Kh; đối với cháu H1 và cháu L, anh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai cháu, trường hợp anh chỉ được nuôi một cháu, anh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung: tại đầu phiên toà anh có giao nộp cho Toà án đơn yêu cầu chia tài sản chung mục đích để trình bày với Toà án là vợ chồng anh có tài sản chung nhưng anh không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết ngay, sau khi ly hôn anh sẽ có đơn yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng anh. Về nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung: Anh và chị Th không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Doãn Đình H1 trình bày có nguyện vọng xin được ở với anh Doãn Đình H; cháu Doãn Hoàng Khánh L có nguyện vọng xin được ở với chị Phan Thị Th khi bố mẹ các cháu ly hôn nhau. Cháu H1, cháu L không có yêu cầu, đề nghị bố mẹ các cháu cấp dưỡng nuôi các cháu.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Th, xử cho chị Th được ly hôn với anh Doãn Đình H. Về con chung: Chấp nhận theo nguyện vọng của cháu Doãn Đình H1 và cháu Doãn Hoàng Khánh L, giao cháu Doãn Đình H1, sinh ngày 31/7/2007 cho anh Doãn Đình H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi; giao cháu Doãn Hoàng Khánh L, sinh ngày 30/3/2017 cho chị Phan Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên không đề nghị

HĐXX xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Doãn Đình H có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Chị Th có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Th và anh Doãn Đình H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P vào ngày 19/11/2002 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống đến năm 2014 vợ chồng chị Th, anh H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau, nghi ngờ lẫn nhau việc sống với nhau không chung Th. Ngoài ra, chị Th và anh H còn mâu thuẫn xung quanh việc quản lý kinh tế, chị Th cho rằng hàng tháng anh H đi làm không đưa tiền cho chị để chi tiêu cho sinh hoạt gia đình, con cái ăn học; còn anh H cho rằng chị Th tham gia chơi bảo hiểm Prudential quá nhiều, anh can ngăn không được, nhà và đất hiện nay của vợ chồng anh đang ở đứng tên một mình chị Th, chị Th nghĩ là của một mình chị Th và tỏ ra coi thường anh. Chị Th và anh H đều xác nhận, anh chị đã sống ly thân nhau mỗi người ở một nơi, không còn liên lạc với nhau từ tháng 06/2024 cho đến nay. Đến nay, chị Th xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H và vẫn giữ quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Anh H xác nhận, vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng không lớn nên anh không nhất trí ly hôn với chị Th. HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, chung sống cùng nhau nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân, giữa chị Th và anh H không có bất kỳ biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bỏ mặc. Việc anh H không nhất trí ly hôn với chị Th mục đích cũng chỉ để gây khó khăn cho chị Th. Do vậy, chị Th có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị Th và anh Doãn Đình H có 04 con chung là các cháu Doãn Đình H2, sinh năm 2000, cháu Doãn Đình Kh, sinh năm 2001, cháu Doãn Đình H1, sinh ngày 31/7/2007 và cháu Doãn Hoàng Khánh L, sinh ngày 30/3/2017. Ly hôn, chị Th và anh H có chung quan điểm, cháu H2 và cháu Kh đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về vấn đề nuôi nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con đối với cháu H2 và cháu Kh nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Đối với cháu H1 và cháu L, chị Th có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị. Còn anh H có quan điểm, anh có nguyện vọng xin được chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu H1 và cháu L, trường hợp anh chỉ được nuôi một cháu anh

có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. HĐXX xét thấy: Điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung giữa chị Th và anh H là như nhau, cả hai anh chị đều có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu H1 và cháu L. Tuy nhiên, Toà án tiến hành lấy lời khai của cháu H1 và cháu L và tại phiên toà, cháu H1 vẫn bày tỏ nguyện vọng xin được ở với anh H, còn cháu L vẫn bày tỏ nguyện vọng xin được ở với chị Th. Việc cháu H1 có nguyện vọng được ở với anh H và cháu L có nguyện vọng được ở với chị Th là chính đáng. Do đó, giao cháu H1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi và giao cháu L cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu H1 và cháu L là phù hợp với quy định của pháp luật. Cả chị Th và anh H đều không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào, xét đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, anh Doãn Đình H và chị Phan Thị Th có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác:

- Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Phan Thị Th xác nhận vợ chồng chị có tài sản chung, chị và anh H tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết. Bị đơn anh H tại phiên toà có giao nộp cho Toà án đơn yêu cầu chia tài sản chung là nhà và đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên mục đích để trình bày với Toà án là vợ chồng anh có tài sản chung nhưng anh không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này, sau khi ly hôn anh sẽ có đơn yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết sau.

- Về nợ chung: Nguyên đơn chị Th trình bày, vợ chồng chị có nợ chung nhưng chị không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Bị đơn anh H trình bày, vợ chồng anh không có nợ chung, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

- Về công sức, ruộng canh tác chung: Nguyên đơn chị Th, bị đơn anh H xác định, vợ chồng không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, nếu chị Th và anh H có đơn đề nghị Toà án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng canh tác chung giữa chị Th và anh H thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều

147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Th, xử cho chị Phan Thị Th được ly hôn với anh Doãn Đình H.

2.Về con chung: Giao cháu Doãn Đình H1, sinh ngày 31/7/2007 cho anh Doãn Đình H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi; giao cháu Doãn Hoàng Khánh L, sinh ngày 30/3/2017 cho chị Phan Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị Phan Thị Th và anh Doãn Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, chị Phan Thị Th và anh Doãn Đình H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

Đối với cháu Doãn Đình H2, sinh năm 2000, cháu Doãn Đình Kh, sinh năm 2001. Các cháu đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được, các đương sự không yêu cầu xem xét, giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3.Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, nếu chị Th và anh H có đơn đề nghị Toà án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng canh tác chung giữa chị Th và anh H thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4.Về án phí: Chị Phan Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: BLTU/24/0001337 ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Mạnh Quyền